VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 ngày 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia[1].

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn mẫu giấy chứng nhận và mẫu tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; mẫu thẻ đánh giá viên và mẫu tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia; việc đăng ký tham dự, hồ sơ đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; quy trình thực hiện việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

---

[1] Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề; người đề nghị cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia; người tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia và thực hiện việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Người tham dự* là người lao động có nhu cầu hoặc người lao động được người sử dụng lao động đăng ký cho người lao động đang làm việc tại đơn vị mình tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia hoặc người đạt được huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 3 tương ứng với nghề đã đạt được huy chương.

2. *Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia* là khoảng thời gian tiến hành các hoạt động đánh giá kiến thức chuyên môn, kỹ thuật, kỹ năng thực hành công việc và quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động của người tham dự tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trên phạm vi toàn quốc.

3. *Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề* là tổ chức đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Chương II
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN, THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA VÀ MẪU TÀI LIỆU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 4. Mẫu giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (sau đây viết tắt là giấy chứng nhận) do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp đổi, bổ sung, cấp lại theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Mẫu thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia

Thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia (sau đây viết tắt là thẻ đánh giá viên) do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp, cấp lại, cấp đổi[2] theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Mẫu tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận

1. Tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP)[3] được lập theo mẫu gồm có:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận theo mẫu số 01 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo mẫu số 02 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này (là tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP về cơ sở vật chất, trang thiết bị);

---

[2] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp, cấp lại, cấp đổi" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[3] Cụm từ "Khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (sau đây gọi là Nghị định số 31/2015/NĐ-CP)" được sửa đổi bằng cụm từ "khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP)" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

c) Danh sách dự kiến những người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự theo mẫu số 03 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này (là tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP[4] về nhân lực trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự).

2. Tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP[5] được lập theo mẫu gồm có:

a) Văn bản đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đã cấp theo mẫu số 04 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo mẫu số 02 và danh sách dự kiến những người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự theo mẫu số 03 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này (được áp dụng đối với trường hợp có đề nghị thay đổi, bổ sung tên nghề, bậc trình độ kỹ năng nghề[6]).

Điều 7. Mẫu tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi[7] thẻ đánh giá viên

---

[4] Cụm từ "khoản 2 Điều 3 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP" được sửa đổi bằng cụm từ "khoản 1 Điều 3 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[5] Cụm từ "Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP" được sửa đổi bằng cụm từ "khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[6] Cụm từ " quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP" được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[7] Cụm từ "hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại" được sửa đổi bằng cụm từ "hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

Tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp; cấp lại; cấp đổi[8] thẻ đánh giá viên được lập theo mẫu là tờ khai đề nghị cấp; cấp lại; cấp đổi[9] tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

CHƯƠNG III
ĐĂNG KÝ THAM DỰ VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 8. Đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Người lao động có nhu cầu đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở một bậc trình độ kỹ năng nghề của một nghề hoặc người sử dụng lao động đăng ký cho người lao động đang làm việc tại đơn vị mình tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở một bậc trình độ kỹ năng nghề của một nghề nào đó phù hợp với khả năng của từng người và người đạt được huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 3 tương ứng với nghề đã đạt được huy chương (sau đây gọi chung là người đăng ký tham dự) được thực hiện như sau:

1. Trường hợp đăng ký tham dự trực tuyến

a) Người đăng ký tham dự lựa chọn tổ chức đánh giá kỹ năng nghề để truy cập vào mục đăng ký tham dự đánh giá kỹ năng nghề có trên trang thông tin điện tử của tổ chức đó; tiến hành các thao tác theo chỉ dẫn và điền các thông tin theo yêu cầu vào các vị trí thích hợp có trên phiếu đăng ký tham dự theo từng cá nhân (mẫu phiếu đăng ký tham dự quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này); việc đăng ký tham dự trực tuyến hoàn thành sau khi người đăng ký tham dự in được phiếu đăng ký tham dự theo từng cá nhân có đầy đủ các thông tin mà mình đã điền; từng

---

[8] Cụm từ "hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại" được sửa đổi bằng cụm từ "hồ sơ đề nghị cấp; cấp lại; cấp đổi" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[9] Cụm từ "tờ khai đề nghị cấp, cấp lại" bằng cụm từ "tờ khai đề nghị cấp; cấp lại; cấp đổi" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

cá nhân sẽ mang phiếu đăng ký tham dự đã in có ảnh của mình và kèm theo 01 (một) bản chụp các loại giấy tờ chứng minh đáp ứng được một trong những điều kiện quy định tại Điều 16 hoặc điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP tương xứng với bậc trình độ kỹ năng nghề của nghề đã đăng ký tham dự nộp cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề theo thời gian ghi trong phiếu báo dự kiểm tra do tổ chức đó gửi theo quy định tại điểm b khoản này để hoàn thiện hồ sơ đăng ký tham dự của cá nhân theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này;

b) Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề đối chiếu điều kiện tham dự ở các bậc trình độ kỹ năng nghề quy định tại Điều 16 hoặc điều kiện tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP với các thông tin trên phiếu đăng ký tham dự theo từng cá nhân mà người đăng ký tham dự đã thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và chậm nhất 07 (bảy) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia phải hoàn thành việc gửi cho người đăng ký tham dự phiếu báo dự kiểm tra của từng cá nhân (mẫu phiếu báo dự kiểm tra quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Trường hợp trực tiếp đăng ký hoặc gửi hồ sơ đăng ký tham dự qua đường bưu điện

a) Người đăng ký tham dự có thể trực tiếp nhận phiếu đăng ký tham dự theo từng cá nhân tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoặc tải phiếu đăng ký tham dự được đăng trên trang thông tin điện tử của các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề (mẫu phiếu đăng ký tham dự quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này); ghi đầy đủ các thông tin cần thiết theo yêu cầu trong phiếu đăng ký tham dự theo từng cá nhân và dán ảnh của cá nhân vào phiếu có kèm theo 01 (một) bản chụp các loại giấy tờ chứng minh là cá nhân mình đáp ứng được một trong các điều kiện quy định tại Điều 16 hoặc điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP tương xứng với bậc trình độ kỹ năng nghề của nghề đã đăng ký tham dự để hoàn thiện hồ sơ đăng ký tham dự của cá nhân theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này; trực tiếp nộp hoặc gửi qua đường bưu điện hồ sơ đăng ký tham dự của từng cá nhân cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề được lựa chọn;

b) Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề kiểm tra hồ sơ đăng ký tham dự của từng cá nhân mà người đăng ký tham dự đã nộp theo quy định tại điểm a khoản này, đối

chiếu điều kiện tham dự ở các bậc trình độ kỹ năng nghề quy định tại Điều 16 hoặc tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP và chậm nhất 07 (bảy) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia phải hoàn thành việc gửi người đăng ký tham dự phiếu báo dự kiểm tra của từng cá nhân (mẫu phiếu báo dự kiểm tra quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này); trường hợp hồ sơ đăng ký tham dự của cá nhân không đáp ứng quy định tại Điều 9 của Thông tư này hoặc không phù hợp với điều kiện quy định tại Điều 16 và khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP thì chậm nhất sau 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký tham dự của từng cá nhân, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề phải có văn bản thông báo cho người đăng ký tham dự bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đăng ký tham dự của cá nhân đó và nộp lại cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 09 (chín) ngày.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký tham dự

1. Hồ sơ đăng ký tham dự của cá nhân là người lao động có nhu cầu tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở một bậc trình độ kỹ năng nghề của một nghề hoặc của cá nhân người lao động được người sử dụng lao động đăng ký để tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở một bậc trình độ kỹ năng nghề của nghề phù hợp với khả năng của người đó, gồm có:

a) Phiếu đăng ký tham dự có dán ảnh màu nền màu trắng của cá nhân, cỡ 04 x 06 cm chụp kiểu chứng minh nhân dân theo mẫu tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Một (01) bản chụp một trong các loại giấy tờ chứng minh đáp ứng được một trong những điều kiện quy định tại Điều 16 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP (trừ trường hợp tham dự đánh giá ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 1 của một nghề).

2. Hồ sơ đăng ký tham dự của cá nhân người đạt huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 3 tương ứng với nghề đã đạt được huy chương, gồm có:

a) Phiếu đăng ký tham dự theo mẫu tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu nền màu trắng của cá nhân, cỡ 04 x 06 cm chụp kiểu chứng minh nhân dân;

b) Một (01) bản chụp các loại giấy tờ chứng nhận đạt được huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN.

Chương IV
QUY TRÌNH THỰC HIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Mục 1
LẬP KẾ HOẠCH VÀ CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ TỔ CHỨC CÁC KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 10. Lập kế hoạch tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

Việc lập kế hoạch tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm được thực hiện như sau:

1. Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề căn cứ năng lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và nhu cầu của người lao động trên địa bàn hoạt động, đề xuất kế hoạch tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm theo mẫu tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[10] trước ngày 15 tháng 11 của năm trước đó;

2. Sau khi nhận được kế hoạch do các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trên toàn quốc đề xuất và gửi theo quy định tại khoản 1 của Điều này, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổng hợp, xây dựng và trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt[11] lịch trình tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP được thực hiện tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trên phạm vi toàn quốc theo mẫu tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư này và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan để công bố trước ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề;

---

[10] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[11] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, xây dựng" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổng hợp, xây dựng và trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

3. Chậm nhất 01 (một) tháng sau khi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kế hoạch và lịch trình tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm theo khoản 2 của Điều này, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề phải xây dựng kế hoạch cụ thể về các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm được thực hiện tại tổ chức mình theo mẫu tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư này và đăng tải trên trang thông tin điện tử, đăng thông báo tại trụ sở chính của tổ chức mình, đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động để báo cáo.

Điều 11. Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Đối với tổ chức đánh giá kỹ năng nghề:

a) Lập danh sách người tham dự đến dự kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành của từng bậc trình độ kỹ năng nghề của từng nghề theo mẫu tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này và chậm nhất 09 (chín) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia phải đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

b) Thành lập các ban giám khảo theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP và chậm nhất 07 (bảy) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia phải gửi danh sách thành viên các ban giám khảo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động;

c) Trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 05 (năm) ngày, tùy theo yêu cầu của từng nghề lựa chọn đội ngũ nhân viên kỹ thuật để thực hiện việc chuẩn bị các điều kiện quy định tại các điểm d và đ khoản này;

d) Căn cứ các tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề đã nhận được từ Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[12] cung cấp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và số

[12] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

lượng người tham dự trong danh sách đã lập theo điểm a khoản này đến dự kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành theo từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề để bố trí các vị trí thực hiện bài kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành của người tham dự (bao gồm cả vị trí dự phòng) và chuẩn bị vật tư (phụ tùng, phôi hoặc vật mẫu), nguyên, nhiên, vật liệu theo yêu cầu của từng nghề. Việc bố trí và chuẩn bị các điều kiện này phải hoàn thành xong trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất là 03 (ba) ngày;

đ) Trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 03 (ba) ngày phải hoàn thành việc bố trí trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) tại từng vị trí thực hiện bài kiểm tra thực hành, đảm bảo theo danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và tài liệu hướng dẫn theo quy định tại điểm a khoản 3 của Điều này[13]; chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, phương tiện đo kiểm, đồng hồ bấm giờ và biểu mẫu, giấy tờ, vật dụng khác phục vụ cho các ban giám khảo sử dụng trong việc đánh giá kiến thức chuyên môn, kỹ thuật (sau đây viết tắt là đánh giá kiến thức), đánh giá kỹ năng thực hành công việc và quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động (sau đây viết tắt là đánh giá kỹ năng thực hành) của người tham dự;

e) Lắp, đặt sơ đồ hướng dẫn, các biển báo chỉ dẫn tại nơi tổ chức kỳ đánh giá kỹ năng nghề và tại các địa điểm bố trí các vị trí kiểm tra trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 03 (ba) ngày;

g) Chuẩn bị biển hiệu, phù hiệu hoặc thẻ cho các thành viên ban giám khảo, tổ giám sát, ban tổ chức; nhân viên kỹ thuật; người dự kiểm tra; người tham quan, quan sát và các thành phần khác (nếu có). Việc chuẩn bị các điều kiện này phải bảo đảm có sự phân biệt giữa các thành phần, tương ứng với số lượng người sẽ tham gia và phải hoàn thành xong trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 03 (ba) ngày;

---

[13] Cụm từ " và tài liệu hướng dẫn theo quy định tại điểm a khoản 3 của Điều này" được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

h) Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về y tế, an toàn và phòng chống cháy, nổ có kèm theo các phương án xử lý, giải quyết, khắc phục khi có sự cố và phải hoàn thành xong trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 03 (ba) ngày;

i) Lắp, đặt các thiết bị giám sát bằng hình ảnh, âm thanh tại các địa điểm bố trí các vị trí thực hiện bài kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành của người tham dự đảm bảo kết nối với hệ thống thiết bị quan sát, giám sát đặt tại nơi tổ chức kỳ đánh giá kỹ năng nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP và phải hoàn thành xong trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 03 (ba) ngày.

2. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Trước mỗi kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, có văn bản gửi tổ chức công đoàn, hội hoặc hiệp hội nghề nghiệp của địa phương và doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn đề nghị giới thiệu người đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP tham gia các tổ giám sát theo từng nghề tại từng tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động trên địa bàn và chậm nhất 07 (bảy) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, lập danh sách các tổ giám sát theo mẫu tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này để gửi đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[14];

b) Ngay sau khi nhận được danh sách thành viên của các ban giám khảo do tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động trên địa bàn địa phương thành lập và gửi theo quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này, kiểm tra, đối chiếu danh sách thành viên của từng ban giám khảo với các quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP, gửi văn bản thông báo đến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề về danh sách các ban giám khảo được chấp thuận và không chấp thuận (nếu có); nếu không chấp thuận thì trong văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu cần phải thực hiện lại. Việc gửi văn bản thông báo đến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề phải được thực hiện trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 05 (năm) ngày.

---

[14] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

3. Đối với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[15]:

a) Chuẩn bị các tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề và cung cấp cho các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 09 (chín) ngày;

b) Ngay sau khi nhận được danh sách các tổ giám sát do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập và gửi theo quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này, quyết định thành lập các tổ giám sát và gửi các quyết định này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 03 (ba) ngày.

Điều 12. Thực hiện và kiểm tra việc chuẩn bị các điều kiện trước mỗi kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Đối với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[16]:

Chuẩn bị các bài kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành theo từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề kèm theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm có trong ngân hàng đề thi đã được biên soạn, quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP, khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP[17] và cung cấp cho các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trước 01 (một) ngày hoặc chậm nhất là trong ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

---

[15] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[16] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[17] Cụm từ ", khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

2. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chậm nhất là 02 (hai) ngày[18] trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, kiểm tra các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động trên địa bàn địa phương về việc chuẩn bị các điều kiện quy định tại các điểm h và i khoản 1 Điều 11 của Thông tư này; trường hợp việc chuẩn bị các điều kiện đó không đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến y tế, an toàn và phòng chống cháy nổ hoặc quy định tại Thông tư này thì lập biên bản yêu cầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề khắc phục ngay và trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia 01 (một) ngày mà không khắc phục hoặc khắc phục không được thì có văn bản yêu cầu tạm dừng kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia được thực hiện tại tổ chức này, đồng thời gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[19] để báo cáo;

b) Chậm nhất là 02 (hai) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, kiểm tra thành viên của các ban giám khảo tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động trên địa bàn địa phương xem có đúng với danh sách đã được chấp thuận trong thông báo gửi đến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Thông tư này; trường hợp phát hiện thành viên của ban giám khảo không đúng với danh sách các ban giám khảo được chấp thuận thì lập biên bản yêu cầu dừng thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự đối với ban giám khảo này và có văn bản báo cáo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[20];

c) Có văn bản gửi tổ chức đánh giá kỹ năng nghề yêu cầu dừng việc thực hiện đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự ở bậc trình độ kỹ năng nghề của nghề mà ban giám khảo có đề nghị theo quy định tại điểm b khoản 4 của Điều này (nếu có) ngay sau khi nhận được đề nghị này.

---

[18] Cụm từ "Chậm nhất sau 02 (hai) ngày" được sửa đổi bằng cụm từ "Chậm nhất là 02 (hai) ngày" theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[19] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[20] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

3. Đối với tổ chức đánh giá kỹ năng nghề:

a) Cung cấp các tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cung cấp[21] theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 của Thông tư này và danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với từng nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành cho từng ban giám khảo, bảo đảm tương ứng với bậc trình độ kỹ năng của nghề mà ban giám khảo đó sẽ thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự và trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 02 (hai) ngày;

b) Trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia 02 (hai) ngày, tiến hành các cuộc họp với các ban giám khảo để thống nhất danh sách nhân viên kỹ thuật đã được lựa chọn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Thông tư để trợ giúp từng ban giám khảo trong quá trình thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự; cách thức tổ chức vận hành tại địa điểm bố trí các vị trí kiểm tra và phân chia, bố trí thời gian thực hiện các đợt kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành cho phù hợp với số lượng người tham dự theo mỗi bậc trình độ kỹ năng của từng nghề;

c) Căn cứ thời gian ghi trong phiếu báo dự kiểm tra của từng cá nhân đã gửi đến người đăng ký theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này, tổ chức việc đón tiếp người tham dự đến dự kiểm tra và thu tiền thuê dụng cụ, thiết bị và mua vật tư (phụ tùng, phôi hoặc vật mẫu), nguyên, nhiên, vật liệu cung cấp cho người tham dự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10[22] của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP. Đối với các trường hợp đăng ký tham dự trực tuyến, trực tiếp nhận và kiểm tra phiếu đăng ký tham dự của cá nhân và bản chụp loại giấy tờ kèm theo đã được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này để hoàn thiện hồ sơ đăng ký tham dự của cá nhân đối với các

---

[21] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cung cấp" theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[22] Cụm từ "điểm c Điều 10" được sửa đổi bằng cụm từ "điểm c khoản 1 Điều 10" theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

trường hợp đó, nếu không đảm bảo theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này thì yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện ngay trong ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; trường hợp không thực hiện được thì có quyền từ chối không cho dự kiểm tra;

đ) Chậm nhất trước 01 (một) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, trực tiếp phổ biến cho người tham dự biết nội quy, quy chế về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia của tổ chức mình; thông báo danh sách người tham dự theo từng đợt kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành và các loại tài liệu, vật dụng không được phép mang vào vị trí thực hiện bài kiểm tra và giải đáp các thắc mắc (nếu có); treo, dán các thông báo đó tại các cửa ra và vào của các địa điểm bố trí các vị trí kiểm tra;

e) Tiếp nhận các bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành theo từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề kèm theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[23] chuẩn bị và cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư này; bảo quản đảm bảo an toàn và chuyển giao cho từng ban giám khảo bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành kèm theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm tương ứng với bậc trình độ kỹ năng của nghề mà ban giám khảo đó sẽ thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự ngay trước khi tiến hành thực hiện đánh giá kiến thức, đánh giá kỹ năng của người tham dự theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Thông tư này; việc nhận và bàn giao phải lập biên bản giao, nhận theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với ban giám khảo:

a) Tiếp nhận các tài liệu do tổ chức đánh giá kỹ năng nghề cung cấp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 02 (hai) ngày, tiến hành kiểm tra các điều kiện đã được tổ chức đánh giá kỹ năng nghề chuẩn bị theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 11 của Thông tư này đối với bậc

---

[23] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

trình độ kỹ năng của nghề sẽ thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự; trường hợp việc chuẩn bị các điều kiện đó không đảm bảo theo các tài liệu đã nhận được theo quy định tại điểm a của khoản này thì lập biên bản yêu cầu tổ chức kỹ năng nghề khắc phục ngay, nếu trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia 01 ngày mà không khắc phục hoặc khắc phục không được thì có đề nghị bằng văn bản với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét cho dừng việc thực hiện đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự ở bậc trình độ kỹ năng nghề của nghề này;

c) Tiến hành họp với tổ chức đánh giá kỹ năng nghề để thống nhất với tổ chức đánh giá kỹ năng nghề về các nội dung được quy định tại điểm b khoản 3 của Điều này;

d) Trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia 01 (một) ngày, tiến hành họp với nhân viên kỹ thuật trợ giúp để phân công nhiệm vụ và họp các thành viên trong ban giám khảo thống nhất về cách thức xử lý, giải quyết các tình huống nếu xảy ra trong khi thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự với các tài liệu đã nhận được theo quy định tại điểm a của khoản này.

5. Đối với người tham dự:

a) Mang theo phiếu báo dự kiểm tra của từng cá nhân và các giấy tờ, vật dụng cần thiết khác và đảm bảo có mặt theo đúng thời gian để thực hiện các thủ tục cần thiết đã được ghi trong phiếu báo dự kiểm tra của cá nhân do tổ chức đánh giá kỹ năng nghề gửi theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này;

b) Nghe tổ chức đánh giá kỹ năng nghề phổ biến, thông báo những nội dung theo quy định tại điểm đ khoản 3 của Điều này.

Mục 2
THỰC HIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC, ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG THỰC HÀNH TRONG CÁC KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 13. Đánh giá kiến thức trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

Việc đánh giá kiến thức của người tham dự được thực hiện như sau:

1. Đối với người tham dự khi đến dự kiểm tra kiến thức:

a) Có mặt tại địa điểm bố trí các vị trí thực hiện bài kiểm tra kiến thức ít nhất 30 phút trước thời gian kiểm tra;

b) Xuất trình phiếu báo dự kiểm tra đã nhận được theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này kèm theo căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu[24] để ban giám khảo kiểm tra;

c)[25] Không được mang theo các tài liệu, vật dụng không được phép vào vị trí thực hiện bài kiểm tra theo thông báo được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 12;

d) Nghe ban giám khảo phổ biến về những điều cần chú ý trong khi làm bài kiểm tra không được phép thực hiện có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với bậc trình độ kỹ năng nghề của nghề mà ban giám khảo đã nhận được theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 12 của Thông tư này; những hành vi trong khi thực hiện bài kiểm tra vi phạm sẽ bị xử lý được quy định tại Điều 17 của Thông tư này;

đ) Nhận số hiệu kiểm tra, vị trí thực hiện bài kiểm tra do ban giám khảo phát và chỉ dẫn; ký tên vào danh sách người tham dự đến dự kiểm tra kiến thức;

e) Nhận bài kiểm tra kiến thức do ban giám khảo phát và thực hiện bài kiểm tra; khi kết thúc thời gian thực hiện bài kiểm tra, nộp bài kiểm tra kiến thức đã thực hiện cho ban giám khảo và ký tên vào biên bản thu, nộp bài kiểm tra được lập theo mẫu tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Đối với trường hợp dự kiểm tra kiến thức trên máy tính, được phép làm bài trắc nghiệm thử đã cài sẵn trên máy trước khi nhận bài kiểm tra kiến thức được hệ thống cung cấp tự động trên máy tính. Thời gian thực hiện bài kiểm tra do hệ thống tự động quy định và việc nộp bài kiểm tra kiến thức được thực hiện trên máy tính. Khi kết thúc thời gian thực hiện bài kiểm tra, người dự kiểm tra ký tên xác

---

[24] Cụm từ "chứng minh nhân dân" được sửa đổi bằng cụm từ "căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[25] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

nhận kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức mà mình đã thực hiện do ban giám khảo in ra từ máy tính;

h) Chấp hành và thực hiện những yêu cầu của ban giám khảo.

2. Đối với ban giám khảo:

a) Có mặt tại địa điểm bố trí các vị trí thực hiện bài kiểm tra kiến thức ít nhất 60 phút trước thời gian kiểm tra;

b) Trưởng ban giám khảo điểm danh và kiểm tra biển hiệu, phù hiệu của các thành viên ban giám khảo và nhân viên hỗ trợ kỹ thuật (nếu có); tiếp nhận bài kiểm tra kiến thức kèm theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm do tổ chức đánh giá kỹ năng nghề bàn giao; kiểm tra các dấu niêm phong của bài kiểm tra khi tiếp nhận; ký tên vào biên bản tiếp nhận được lập theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Kiểm tra và đánh số hiệu kiểm tra tại các vị trí thực hiện bài kiểm tra;

d) Đón tiếp người tham dự tại cửa địa điểm bố trí các vị trí thực hiện bài kiểm tra; yêu cầu xuất trình phiếu báo dự kiểm tra của cá nhân đã được tổ chức đánh giá kỹ năng nghề gửi theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này và căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu[26] để kiểm tra;

đ)[27] Yêu cầu người tham dự không mang theo các tài liệu, vật dụng không được phép vào vị trí thực hiện bài kiểm tra;

e) Phổ biến cho người tham dự về những nội dung được quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và yêu cầu người tham dự chấp hành những nội dung đó;

g) Phát (đeo, dán) số hiệu kiểm tra cho người tham dự và yêu cầu ký xác nhận vào danh sách người tham dự đến dự kiểm tra kiến thức; hướng dẫn người tham dự đến vị trí thực hiện bài kiểm tra;

---

[26] Cụm từ "chứng minh nhân dân" được sửa đổi bằng cụm từ "căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[27] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

h) Phát bài kiểm tra kiến thức cho người tham dự; ra các hiệu lệnh thông báo thời gian bắt đầu, thời gian sắp kết thúc và thời gian kết thúc việc thực hiện bài kiểm tra;

i) Quan sát, nhắc nhở người tham dự trong khi thực hiện bài kiểm tra chấp hành và thực hiện đúng những nội dung đã phổ biến theo quy định tại điểm e của khoản này; không trả lời người tham dự những câu hỏi liên quan đến nội dung của bài kiểm tra; lập biên bản xử lý người tham dự nếu có hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này;

k) Tiếp nhận bài kiểm tra kiến thức của người tham dự giao, nộp và yêu cầu người tham dự ký tên vào biên bản thu, nộp bài kiểm tra. Mẫu biên bản thu, nộp bài kiểm tra tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

l) Hoàn trả người tham dự các tài liệu, vật dụng đã giao, nộp (nếu có) ngay sau khi kết thúc việc tiếp nhận bài kiểm tra kiến thức của người tham dự.

Điều 14. Chấm điểm bài kiểm tra kiến thức trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Sau khi kết thúc việc tiếp nhận bài kiểm tra kiến thức của người tham dự giao, nộp theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 13 của Thông tư này, ban giám khảo thực hiện ngay việc chấm điểm bài kiểm tra kiến thức của người dự kiểm tra. Việc chấm điểm bài kiểm tra kiến thức được thực hiện theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm kèm theo bài kiểm tra kiến thức đã được tiếp nhận và bàn giao theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Thông tư này;

2. Đối với trường hợp dự kiểm tra kiến thức trên máy tính, việc chấm điểm bài kiểm tra được thực hiện tự động trên máy; ban giám khảo in kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức của người tham dự đã thực hiện;

3. Ngay sau khi hoàn thành việc chấm điểm bài kiểm tra kiến thức theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này và thông báo cho người tham dự biết điểm bài kiểm tra kiến thức theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư này, trưởng ban giám khảo tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức của người tham dự có xác nhận của các thành viên ban giám khảo tại biên bản theo mẫu tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này để nộp cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

4. Giao, nộp các bài kiểm tra kiến thức và tiêu chuẩn chấm điểm, bảng điểm đã tiếp nhận chưa sử dụng cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề ngay sau khi hoàn thành việc chấm điểm. Việc giao, nộp phải lập biên bản theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Đánh giá kỹ năng thực hành trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

Việc đánh giá kỹ năng thực hành của người tham dự được thực hiện như sau:

1. Đối với người tham dự khi dự kiểm tra thực hành:

a) Có mặt tại địa điểm bố trí các vị trí thực hiện bài kiểm tra thực hành ít nhất 60 phút trước thời gian kiểm tra;

b) Xuất trình phiếu báo kiểm tra đã nhận được theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này kèm theo chứng minh nhân dân và xuất trình dụng cụ, thiết bị được sử dụng trong khi thực hiện bài kiểm tra thực hành (nếu có) để ban giám khảo kiểm tra;

c)[28] Không được mang theo các tài liệu, vật dụng, thiết bị, dụng cụ không được phép vào vị trí thực hiện bài kiểm tra theo thông báo được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 12;

d) Nghe ban giám khảo phổ biến về những điều cần chú ý trong khi làm bài kiểm tra không được phép thực hiện có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với bậc trình độ kỹ năng nghề của nghề mà ban giám khảo đã nhận được theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 12 của Thông tư này; những hành vi trong khi thực hiện bài kiểm tra vi phạm sẽ bị xử lý được quy định tại Điều 17 của Thông tư này;

đ) Nhận số hiệu kiểm tra, vị trí thực hiện bài kiểm tra do ban giám khảo phát và chỉ dẫn; ký tên xác nhận vào danh sách người tham dự đến dự kiểm tra thực hành;

e) Kiểm tra, khởi động trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) đã được bố trí tại vị trí thực hiện bài kiểm tra

---

[28] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

thực hành theo hướng dẫn của nhân viên kỹ thuật trợ giúp ban giám khảo; trường hợp phát hiện lỗi trang thiết bị, đề nghị nhân viên kỹ thuật khắc phục hoặc thay thế hoặc đề nghị ban giám khảo chuyển vị trí thực hiện bài kiểm tra thực hành sang vị trí dự phòng;

g) Nhận bài kiểm tra thực hành do ban giám khảo phát, kiểm tra vật tư (phụ tùng, phôi hoặc vật mẫu), nguyên, nhiên, vật liệu đã được chuẩn bị trước; trường hợp phát hiện lỗi vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu thì đề nghị nhân viên kỹ thuật thay thế;

h) Thực hiện bài kiểm tra: Khi kết thúc thời gian thực hiện bài kiểm tra, nộp sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành cho ban giám khảo và ký tên vào biên bản thu, nộp bài kiểm tra được lập theo mẫu tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Chấp hành và thực hiện những yêu cầu của ban giám khảo.

2. Đối với ban giám khảo:

a) Có mặt tại địa điểm bố trí các vị trí thực hiện bài kiểm tra thực hành ít nhất 60 phút trước thời gian kiểm tra;

b) Trưởng ban giám khảo điểm danh và kiểm tra biển hiệu, phù hiệu của các thành viên ban giám khảo và nhân viên hỗ trợ kỹ thuật; tiếp nhận bài kiểm tra thực hành kèm theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm do tổ chức đánh giá kỹ năng nghề bàn giao; kiểm tra các dấu niêm phong của bài kiểm tra khi tiếp nhận; ký tên vào biên bản tiếp nhận được lập theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Kiểm tra và đánh số hiệu kiểm tra tại các vị trí thực hiện bài kiểm tra;

d) Đón tiếp người tham dự tại cửa địa điểm bố trí các vị trí thực hiện bài kiểm tra; yêu cầu xuất trình phiếu báo dự kiểm tra đã được tổ chức đánh giá kỹ năng nghề gửi theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này và chứng minh nhân dân để kiểm tra;

đ) Kiểm tra các thiết bị, dụng cụ được sử dụng trong khi thực hiện bài kiểm tra thực hành mà người tham dự đem theo; kiểm tra trang phục bảo hộ lao động cá nhân của người tham dự, trường hợp không phù hợp theo quy định thì yêu cầu

người dự kiểm tra khắc phục ngay, nếu không đáp ứng được thì có quyền từ chối không cho thực hiện bài kiểm tra;

e)[29] Yêu cầu người tham dự không mang theo các tài liệu, vật dụng, thiết bị, dụng cụ không được phép vào vị trí thực hiện bài kiểm tra;

g) Phổ biến cho người tham dự về những nội dung được quy định tại điểm d khoản 1 của Điều này và yêu cầu người tham dự chấp hành những nội dung đó;

h) Phát (đeo, dán) số hiệu kiểm tra cho người tham dự và yêu cầu ký xác nhận vào danh sách dự kiểm tra thực hành; hướng dẫn người tham dự đến vị trí thực hiện bài kiểm tra;

i) Phổ biến, giải thích cho người tham dự về những quy định tại các tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá kỹ năng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp và quy định tại Thông tư này cần chú ý hoặc không được thực hiện và những hành vi vi phạm trong khi thực hiện bài kiểm tra bị xử lý;

k) Thông báo vị trí đặt các thiết bị, dụng cụ khác (nếu có) và các chỉ dẫn, cảnh báo có trong khu vực bố trí các vị trí kiểm tra thực hành cho người tham dự lưu ý khi thực hiện bài kiểm tra;

l) Phát bài kiểm tra thực hành cho người tham dự; ra các hiệu lệnh thông báo thời gian bắt đầu, thời gian giới hạn và thời gian kết thúc thực hiện bài kiểm tra; không trả lời hoặc hướng dẫn người tham dự những vấn đề có liên quan đến nội dung của bài kiểm tra;

m) Quan sát, nhắc nhở người tham dự trong khi thực hiện bài kiểm tra chấp hành và thực hiện đúng những nội dung đã phổ biến theo quy định tại điểm i của khoản này; lập biên bản xử lý người tham dự nếu có hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này;

n) Chấm điểm thái độ của người tham dự trong khi thao tác thực hiện bài kiểm tra theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm kèm theo bài kiểm tra đã được tiếp nhận và bàn giao theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Thông tư này;

---

[29] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

o) Tiếp nhận sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành của người dự kiểm tra giao, nộp và đánh số phân biệt; kiểm tra thời gian kết thúc thực hiện bài kiểm tra, chấm điểm thời gian kết thúc thực hiện bài kiểm tra của người tham dự theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm kèm theo bài kiểm tra đã được tiếp nhận và bàn giao theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Thông tư này; yêu cầu người tham dự ký tên vào biên bản thu, nộp bài kiểm tra được lập theo mẫu tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này.

p) Hoàn trả người tham dự các tài liệu, vật dụng đã giao, nộp (nếu có) ngay sau khi kết thúc việc tiếp nhận sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành của người tham dự.

Điều 16. Chấm điểm bài kiểm tra thực hành trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Sau khi kết thúc việc tiếp nhận sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành của người tham dự giao, nộp theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 15 của Thông tư này, ban giám khảo thực hiện ngay việc chấm điểm sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành của người tham dự. Việc chấm điểm sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành được thực hiện theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm kèm theo bài kiểm tra thực hành đã được tiếp nhận và bàn giao theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Thông tư này.

2. Điểm bài kiểm tra thực hành của người tham dự là tổng hợp điểm sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành, điểm thái độ thao tác và điểm thời gian kết thúc thực hiện bài kiểm tra.

3. Ngay sau khi hoàn thành việc chấm điểm sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành theo quy định tại khoản 1, tổng hợp điểm bài kiểm tra thực hành theo quy định tại khoản 2 Điều này và thông báo cho người tham dự biết điểm bài kiểm tra thực hành theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư này. Trưởng ban giám khảo tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra thực hành của người tham dự, có xác nhận của các thành viên ban giám khảo tại biên bản theo mẫu tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này để nộp cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề.

4. Giao, nộp các bài kiểm tra thực hành và tiêu chuẩn chấm điểm, bảng điểm đã tiếp nhận chưa sử dụng cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề ngay sau khi hoàn

thành việc chấm điểm. Việc giao, nộp phải lập biên bản theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Hành vi vi phạm và việc xử lý vi phạm của người tham dự khi thực hiện bài kiểm tra trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Khi thực hiện bài kiểm tra, người tham dự có những hành vi sau đây sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này, cụ thể:

a) Mang, sử dụng máy tính bảng, điện thoại, thiết bị thu, phát, truyền tin, ghi âm, ghi hình, thiết bị có tính năng chứa đựng, lưu giữ thông tin;

b) Mang, sử dụng thiết bị, dụng cụ và các giấy tờ, tài liệu, vật dụng không thuộc danh mục dụng cụ, thiết bị được mang theo để sử dụng khi thực hiện bài kiểm tra đã được thông báo trong phiếu dự kiểm tra gửi người tham dự theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này;

c) Mang, sử dụng vật dụng có chứa chất gây cháy, nổ, thuốc lá, đồ uống có cồn và các loại hóa chất, dược liệu;

d) Gây gổ, đe dọa thành viên ban giám khảo hoặc nhân viên kỹ thuật hỗ trợ ban giám khảo;

đ) Cản trở người khác thực hiện bài kiểm tra hoặc gây hư, hỏng sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra của người khác;

e) Gây hư, hỏng các trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) do lỗi chủ quan;

g) Tự gây thương tích cho bản thân hoặc làm người khác bị thương do bất cẩn;

h) Trao đổi bài kiểm tra hoặc giấy nháp; sao chép bài kiểm tra của người khác; đưa bài kiểm tra ra ngoài hoặc nhận bài kiểm tra từ ngoài chuyển vào; tiếp nhận sự hướng dẫn hoặc sự trợ giúp của ban giám khảo để thực hiện bài kiểm tra.

i) Viết, vẽ những nội dung không liên quan đến bài kiểm tra hoặc hình dạng sản phẩm, kết quả bài kiểm tra thực hành không đúng so với yêu cầu của bài kiểm tra;

2. Việc xử lý người tham dự có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này do ban giám khảo thực hiện và khi phát hiện vi phạm phải lập biên bản xử lý vi phạm theo mẫu tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư này với các hình thức sau:

a) Đình chỉ không cho tiếp tục thực hiện bài kiểm tra đối với những hành vi vi phạm tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này;

b) Không chấm điểm bài kiểm tra đối với những hành vi vi phạm tại điểm i khoản 1 Điều này.

Mục 3
GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 18. Giám sát các hoạt động của các thành viên ban giám khảo trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Việc giám sát các hoạt động của các thành viên ban giám khảo trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia do tổ giám sát được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[30] thành lập theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 của Thông tư này thực hiện.

2. Tổ trưởng tổ giám sát có trách nhiệm phân công, giao nhiệm vụ cho các thành viên trong tổ thực hiện giám sát các hoạt động của các thành viên trong ban giám khảo khi thực hiện các công việc quy định tại khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 17 và Điều 20 của Thông tư này. Khi thực hiện nhiệm vụ giám sát, các thành viên của tổ giám sát phải tuân thủ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP. Khi phát hiện thành viên của ban giám khảo có sai phạm, lập biên bản và kiến nghị xử lý theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này.

3. Ngay sau khi ban giám khảo hoàn thành việc chấm điểm bài kiểm tra theo quy định tại Điều 14 và Điều 16 của Thông tư này, tổ trưởng tổ giám sát lập biên bản giám sát kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia theo mẫu tại Phụ lục 17 ban hành

---

[30] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

kèm theo Thông tư này để gửi cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề và báo cáo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[31].

Điều 19. Hành vi vi phạm và việc xử lý vi phạm của thành viên ban giám khảo trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Khi thực hiện đánh giá kiến thức, đánh giá kỹ năng thực hành của người tham dự, thành viên ban giám khảo có những hành vi sau đây sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này, cụ thể:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 17 và Điều 20 của Thông tư này;

b) Không thường xuyên có mặt tại địa điểm người tham dự thực hiện bài kiểm tra;

c) Làm lộ nội dung bài kiểm tra dưới mọi hình thức; đưa bài kiểm tra ra ngoài hoặc mang bài kiểm tra từ bên ngoài vào cho người tham dự;

d) Hướng dẫn hoặc trợ giúp người tham dự thực hiện bài kiểm tra dưới bất kỳ hình thức nào;

đ) Tráo hoặc đổi sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra của người tham dự;

e) Sửa hoặc nâng, hạ điểm kết quả bài kiểm tra của người tham dự.

2. Việc khắc phục những hậu quả do hành vi vi phạm của thành viên ban giám khảo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo các quy định tại các tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[32] cung cấp.

---

[31] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[32] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

3. Việc xử lý thành viên của ban giám khảo có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này do tổ giám sát thực hiện và khi phát hiện vi phạm phải lập biên bản xử lý vi phạm theo mẫu tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư này với các hình thức sau:

a) Đình chỉ và yêu cầu người có hành vi vi phạm điểm a, điểm b khoản 1 Điều này ra khỏi khu vực đó và yêu cầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề thay thế người khác;

b) Đình chỉ và yêu cầu người có hành vi vi phạm một trong các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều này ra khỏi khu vực đó và yêu cầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề thay thế người khác, đồng thời có văn bản báo cáo và đề nghị Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[33] thu hồi thẻ đánh giá viên đối với các trường hợp này;

4. Tổ chức đánh giá đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức về các hành vi vi phạm và việc xử lý vi phạm của ban giám khảo trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

Mục 4
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA CHO NGƯỜI THAM DỰ ĐẠT YÊU CẦU

Điều 20. Thực hiện việc thông báo kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành

1. Ngay sau khi hoàn thành việc chấm điểm bài kiểm tra kiến thức của người dự theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 14 của Thông tư này, ban giám khảo thông báo trực tiếp cho từng người tham dự biết điểm bài kiểm tra và yêu cầu ký xác nhận vào bảng điểm hoặc kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức đã được in ra. Nếu người tham dự có thắc mắc về kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức được chấm điểm theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư này thì ban giám khảo phải

[33] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

thực hiện ngay việc chấm lại bài kiểm tra kiến thức của người đó, trước khi tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức của người tham dự để nộp cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Thông tư này.

2. Ngay sau khi hoàn thành việc chấm điểm sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành và tổng hợp điểm bài kiểm tra thực hành của người tham dự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 của Thông tư này, ban giám khảo thông báo trực tiếp cho từng người tham dự để họ ký xác nhận vào bảng điểm kết quả điểm bài kiểm tra thực hành đã đạt được. Nếu người tham dự có thắc mắc về kết quả điểm bài kiểm tra thực hành thì ban giám khảo phải thực hiện ngay việc chấm lại sản phẩm, kết quả thực hiện bài kiểm tra thực hành hoặc đưa ra các bằng chứng về thái độ thao tác trong khi thực hiện bài kiểm tra và thời gian kết thúc thực hiện bài kiểm tra của người đó, trước khi tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra thực hành của người tham dự để nộp cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Thông tư này.

Điều 21. Công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo

1. Chậm nhất là 01 (một) ngày sau khi nhận được biên bản và tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành do ban giám khảo lập theo quy định tại khoản 3 Điều 14, khoản 3 Điều 16 và biên bản giám sát của tổ giám sát lập theo khoản 3 Điều 18 của Thông tư này, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quyết định công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó.

2. Ngay sau khi quyết định công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo theo quy định tại khoản 1 của Điều này, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề phải đăng tải kết quả kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành của người tham dự tại kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó trên trang thông tin điện tử của tổ chức theo mẫu tại Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư này và niêm yết tại địa điểm tổ chức kỳ đánh giá kỹ năng nghề đó ít nhất 05 (năm) ngày.

Điều 22. Khiếu nại và tố cáo

1. Khiếu nại đối với kết quả kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành do tổ chức đánh giá kỹ năng nghề thông báo.

a) Trong thời gian tổ chức đánh giá kỹ năng nghề thực hiện việc đăng tải và niêm yết thông báo kết quả kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Thông tư này, nếu người tham dự hoặc các thành viên ban giám khảo phát hiện kết quả kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành trong thông báo của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề khác với kết quả kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành đã được ban giám khảo thông báo trực tiếp cho người tham dự theo quy định tại Điều 20 của Thông tư này thì có quyền khiếu nại với tổ chức đánh giá kỹ năng nghề về kết quả kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành của người tham dự trong thông báo đó;

b) Ngay sau khi nhận được khiếu nại, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề phải xem xét, giải quyết và trả lời người khiếu nại. Trường hợp sau khi xem xét phát hiện có sai khác thì phải thực hiện việc công nhận lại kết quả đó và đăng tải, niêm yết lại kết quả kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành của người tham dự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Thông tư này.

2. Khiếu nại hoặc tố cáo đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia các hoạt động được thực hiện trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc quan sát các hoạt động của ban giám khảo, người tham dự và tổ giám sát trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia có quyền khiếu nại việc xử lý vi phạm quy định tại Điều 17 và Điều 19 hoặc tố cáo cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại các điều 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 và 21 của Thông tư này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo của mình;

b) Trường hợp nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoặc tổ giám sát và thành viên tổ giám sát thì tổ chức hoặc cá nhân tố cáo gửi nội dung tố cáo đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động hoặc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[34];

---

[34] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

c) Trường hợp nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến người tham dự hoặc ban giám khảo và thành viên ban giám khảo thì tổ chức hoặc cá nhân tố cáo gửi nội dung tố cáo đến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động;

d) Việc khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 23.[35] Đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ khi đăng tải, niêm yết thông báo kết quả kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề phải lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề đạt yêu cầu và gửi đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 6, Điều 9 của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp[36]

1. Tham mưu, giúp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về[37] thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động trong phạm vi cả nước;

---

[35] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[36] Cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" được sửa đổi bằng cụm từ "Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp" theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[37] Cụm từ "Thống nhất quản lý việc thực hiện" được sửa đổi bằng cụm từ "Tham mưu, giúp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về" theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

1a.[38] Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đánh giá kỹ năng nghề quốc gia theo thẩm quyền;

2. Hướng dẫn các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trên địa bàn địa phương;

3. Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý việc thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; xây dựng phần mềm đăng ký trực tuyến để cung cấp cho các tổ chức đánh giá; thiết lập hệ thống mạng thông tin kết nối với các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trong toàn quốc;

4.[39] Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê, quản lý, lưu trữ tài liệu, hồ sơ và thống nhất các biểu mẫu sử dụng liên quan đến hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; công bố công khai trên trang thông tin điện tử http://vanbang.gdnn.gov.vn về danh sách những người đã được cấp, cấp lại, cấp đổi hoặc bị hủy bỏ, thu hồi thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia;

5. Thực hiện trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 31/2015/NĐ-CP và các nhiệm vụ quy định tại Thông tư này.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động trên địa bàn do địa phương quản lý;

2. Phối hợp với tổ chức công đoàn trong việc tuyên truyền, vận động người lao động thường xuyên học tập, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người

---

[38] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

[39] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

lao động tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động trên địa bàn do địa phương quản lý;

3. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Thông tư này.

Điều 26. Nhiệm vụ của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề, ban giám khảo, tổ giám sát và người lao động tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề

1. Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề có trách nhiệm lưu giữ, quản lý các bằng chứng, tài liệu liên quan đến việc thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động và thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 31/2015/NĐ-CP và các quy định khác tại Thông tư này.

2. Ban giám khảo, Tổ giám sát thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 31/2015/NĐ-CP và các quy định khác tại Thông tư này.

3. Người lao động tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Thông tư này.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[40]

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2016.

---

[40] Các Điều 3, Điều 4 của Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Các Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) để xem xét, giải quyết./."

2. Bãi bỏ Thông tư số 15/2011/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tổ chức và quản lý việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện và chấp hành các quy định tại Thông tư này của các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trong phạm vi cả nước.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện và chấp hành các quy định tại Thông tư này của các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động trên địa bàn do địa phương quản lý.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 4133/VBHN-BLĐTBXH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Dũng

PHỤ LỤC 01[41]
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BLĐTBXH-GCNHĐ	*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

GIẤY CHỨNG NHẬN
Hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chứng nhận:

1. Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch tiếng quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại/Fax:..... Email:.....

Trang thông tin điện tử (Website):.....

Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... ngày..... tháng... năm..... của.....[(1)] .....

2. Được thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề theo các bậc trình độ kỹ năng sau đây:

STT	Tên nghề	Bậc trình độ kỹ năng
1		
...		

Tại địa điểm:.....[(2)].....

[(3)]

[(4)]

[(5)]

[(1)] Tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
[(2)] Địa chỉ nơi thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;
[(3)] Chức danh của người ký cấp giấy chứng nhận;
[(4)] Chữ ký và dấu cơ quan của người ký cấp giấy chứng nhận;
[(5)] Họ và tên của người ký cấp giấy chứng nhận.

[41] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

PHỤ LỤC 02[42]
MẪU THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Mặt trước thẻ:

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
NATIONAL OCCUPATIONAL SKILLS ASSESSOR CERTIFICATE

(2)

Nghề/Job…….(1).....
Họ và tên/Fullname: .....(3).....
Ngày sinh/DOB:.....
Quốc tịch/Nationality:.....
CCCD/CMND/HC số/ID No:.....
Bậc trình độ được đánh giá/Be participated assessment of levels:.....(4).....

Hà Nội, ngày… tháng…. năm 20….
(5)
(6)
(7)

Mã số/No:.. (8).../..... (9)...../ (10)..

2. Mặt sau thẻ:

Thẻ chỉ có giá trị trong hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với người có tên và ảnh ở mặt trước thẻ

This certificate is valid only in the National Occupational Skills Assessment activities for the person with the name and picture on the front of this certificate

3. Hình thức và các nội dung trên thẻ:

a) Hình thức thẻ:

- Thẻ có kích thước: chiều dài 87 mm, chiều rộng 61 mm;

---

[42] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

- Mặt trước và mặt sau thẻ có nền màu trắng, có hoa văn màu vàng nhạt in chìm, ở chính giữa có in chìm hình trống đồng màu cam nhạt.

b) Các nội dung trên mặt trước thẻ:

- Hàng chữ "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;

- Hàng chữ "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" được trình bày bằng kiểu chữ thường, đứng, màu đen;

- Các hàng chữ **"THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA", "NATIONAL OCCUPATIONAL SKILLS ASSESSOR CERTIFICATE"** được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu đỏ;

- Cách ghi các nội dung khác trên thẻ như sau:

(1) Ghi tên nghề bằng kiểu chữ hoa đứng, màu đỏ;

(2) Dán ảnh màu nền màu trắng của người được cấp thẻ cỡ 03 x 04 cm chụp kiểu căn cước công dân/chứng minh nhân dân;

(3) Ghi họ và tên của người được cấp thẻ bằng kiểu chữ hoa đứng, màu đen;

(4) Ghi các bậc trình độ kỹ năng nghề bằng chữ số Ả Rập kiểu đứng, màu đen;

(5) Chức danh của người ký cấp thẻ bằng kiểu chữ in hoa, đứng, màu đen;

(6) Chữ ký và dấu cơ quan của người ký cấp thẻ;

(7) Họ và tên của người ký cấp thẻ;

(8) Ghi mã hiệu vùng theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

(9) Ghi số thứ tự của thẻ bằng chữ số kiểu đứng, màu đen theo cách đánh số thứ tự được quy định tại mục a Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

(10) Ghi hai số cuối của năm cấp thẻ bằng chữ số kiểu đứng, màu đen.

c) Các nội dung trên mặt sau thẻ:

- Hàng chữ "*Thẻ chỉ có giá trị trong hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với người có tên và ảnh ở mặt trước thẻ" và "This certificate is valid only in the National Occupational Skills Assessment activities for the person with the name and picture on the front of this certificate"* được trình bày theo kiểu chữ in thường nghiêng, màu đen.

PHỤ LỤC 03
MẪU TÀI LIỆU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỔI, BỔ SUNG, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mẫu số 01

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...(2)... - ...
V/v đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

.....(3)....., *ngày..... tháng..... năm 20.....*

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

.....(1).....

Địa chỉ trụ sở chính:.....(4).....

Điện thoại/Fax:..... E.mail:.....

Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... ngày... tháng... năm..... của.....(5).....

.....(1)..... xin gửi kèm theo công văn này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ và tài liệu sau:(6)

1. Bản sao quyết định thành lập ☐
2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ☐
3. Bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị ☐
4. Danh sách dự kiến những người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề ☐

Đề nghị Quý Bộ xem xét cấp giấy chứng nhận hoạt động, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với.....(1) ..... ./.

(7)

(10)

(8)

(9)

(1) Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
(2) Chữ viết tắt của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
(3) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
(4) Ghi địa chỉ của nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
(5) Ghi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
(6) Đánh dấu X vào các ô thích hợp;
(7) Chức danh của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
(8) Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
(9) Họ và tên của người ký;
(10) Nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính.

Mẫu số 02[43]

.....[1].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....[2]....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BẢN KÊ KHAI VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ

I. Phần kê khai chung về cơ sở vật chất

1. Tổng diện tích mặt bằng:..... m^2; trong đó:

a) Diện tích xây dựng nhà, xưởng:..... m^2;

b) Diện tích xây dựng công trình khác (biến áp, xử lý nước, bể bơi, ...):..... m^2;

c) Diện tích mặt bằng kỹ thuật (sân, bến, bãi sát hạch, thi công, ...):..... m^2;

d) Diện tích khác (vườn hoa, sân thể thao, ...):..... m^2;

2. Sơ đồ mặt bằng bố trí nhà, xưởng, mặt bằng kỹ thuật, công trình xây dựng khác.

3. Tổng diện tích xây dựng sử dụng:..... m^2; trong đó:

a) Diện tích các xưởng, phòng chuyên môn, kỹ thuật:..... m^2;

b) Diện tích các phòng học, hội họp:..... m^2;

c) Diện tích văn phòng, phòng làm việc:..... m^2;

d) Diện tích phụ trợ (cầu thang, sảnh chờ, hành lang, khu vệ sinh):..... m^2;

4. Hệ thống phụ trợ.

a) Báo cháy, phòng cháy, chữa cháy:

b) Máy phát điện:

c) Hệ thống kỹ thuật khác (cấp khí, cấp nhiệt, ...):

5. Hệ thống thiết bị giám sát, quan sát, thông tin liên lạc (camera, màn hình, ...):

6. Trang thông tin điện tử.

7. Cơ sở vật chất khác.

II. Phần kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo từng nghề

A. Đối với nghề:.....[3].....

1. Diện tích sử dụng cho người tham dự thực hiện bài kiểm tra kiến thức.

---

[43] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

Số phòng kiểm tra kiến thức có gắn camera giám sát ...[4]...; trong đó:

a) Phòng:.....[5].....; diện tích:..... m^2

bố trí được:...[6]... vị trí kiểm tra; có:.....[7]..... camera giám sát;

...[8]...

2. Diện tích sử dụng cho người tham dự thực hiện bài kiểm tra thực hành.

a) Số xưởng, phòng chuyên môn, kỹ thuật có gắn camera giám sát:.....[4].....; trong đó:

- Xưởng, phòng.....[5].....; diện tích..... m^2

bố trí được:...[6]... vị trí kiểm tra; có:...[7]... camera giám sát;

...[8]...

b) Số lượng mặt bằng kỹ thuật:...[4]...; trong đó:

Mặt bằng kỹ thuật.....[5] .....; diện tích..... m^2;

bố trí được...[6]... vị trí kiểm tra;

...[8]...

3. Khu vực chờ và quan sát người tham dự thực hiện bài kiểm tra.

a) Số khu vực chờ và quan sát người tham dự thực hiện bài kiểm tra:...[4]...; trong đó:

Khu vực chờ và quan sát có màn hình kết nối với các camera gắn trong các phòng kiểm tra...[4] ... và có: tổng diện tích..... m^2;

Khu vực chờ và quan sát tại các mặt bằng kỹ thuật.....[4] ..... và có: tổng diện tích ..... m^2.

4. Danh mục trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) phục vụ người tham dự thực hiện bài kiểm tra thực hành và cho ban giám khảo đánh giá kỹ năng thực hành:

Số TT	Tên trang thiết bị	Hãng sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
1							
2							
...							

Số lượng trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) đủ để trang bị cho.....[6]..... vị trí kiểm tra ở các bậc trình độ kỹ năng....[9].....

B. Đối với nghề:.....[3] .....

...[10]...

C. ...[11]...

III. Địa điểm dự kiến thực hiện đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Tại địa điểm:.....[15] ..... dự kiến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia:

STT	Tên nghề	Bậc trình độ kỹ năng
1		
...		

2. Tại địa điểm:.....[15]..... dự kiến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia:

STT	Tên nghề	Bậc trình độ kỹ năng
1		
...		

.....

.....[1]..... cam kết và đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị trong bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị này là thuộc quyền sở hữu và được quyền sử dụng (xin gửi kèm theo đây các bản sao giấy tờ để chứng minh) trong việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia./.

(12)

(13)

(14)

---

[1] Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
[2] Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
[3] Ghi tên nghề đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
[4] Ghi rõ số lượng phòng/xưởng, phòng chuyên môn kỹ thuật/mặt bằng kỹ thuật/khu vực chờ;
[5] Ghi tên hoặc số thứ tự của phòng/xưởng, phòng chuyên môn kỹ thuật/mặt bằng kỹ thuật/khu vực chờ đó;
[6] Ghi số lượng vị trí kiểm tra;
[7] Ghi rõ số lượng camera giám sát có trong phòng, xưởng đó;
[8] Tiếp tục kê khai đối với phòng, xưởng, mặt bằng, khu vực chờ khác tương tự như đã kê khai trước đó;
[9] Ghi theo bậc trình độ kỹ năng nghề;
[10] Các nội dung kê khai đối với nghề này tương tự như với nghề đã kê khai trước;
[11] Tiếp tục với các nghề khác (nếu có);
[12] Chức danh của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
[13] Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
[14] Họ và tên của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
[15] Địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề.

Mẫu số 03

.....[1].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....[2]....., ngày..... tháng..... năm 20.....

DANH SÁCH DỰ KIẾN NHỮNG NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ

A. Đối với nghề:.....[3].....

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Vị trí/ chức danh đang đảm nhận	Số CCCD/ CMND/ Hộ chiếu	Mã số thẻ đánh giá viên[4]	Bậc trình độ kỹ năng đánh giá[5]
1						
2						
...						

B. Đối với nghề:.....[3].....

...[6]...

C. ...[7]...

Tổng số người có tên trong danh sách là..... người./.

(8)

(9)

(10)

---

[1] Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
[2] Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
[3] Ghi tên nghề đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
[4] Theo mã số trong thẻ đánh giá viên của người được cấp thẻ;
[5] Theo bậc trình độ kỹ năng nghề được phép đánh giá trong thẻ đánh giá viên của người được cấp thẻ;
[6] Các nội dung kê khai đối với nghề này tương tự như với nghề đã kê khai trước;
[7] Tiếp tục với các nghề khác (nếu có);
[8] Chức danh của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
[9] Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
[10] Họ và tên của người ký.

Mẫu số 04

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...(2)... - ...
V/v đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

.....(3)....., ngày..... tháng..... năm 20.....

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

.....(1).....

Địa chỉ trụ sở chính:.....(4).....

Điện thoại/Fax:..... E.mail:.....

Đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:.....(5)..... ngày..... tháng..... năm.....

Lý do thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá đã được cấp:(6)

1. Do thay đổi, bổ sung tên nghề, bậc trình độ kỹ năng nghề ☐
2. Do thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở chính ☐
3. Do thay đổi tên gọi của tổ chức ☐
4. Do bị mất giấy chứng nhận hoạt động đánh giá đã được cấp ☐
5. Do giấy chứng nhận hoạt động đánh giá đã được cấp bị hư, hỏng ☐

.....(1)..... xin gửi kèm theo công văn này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ và tài liệu sau:

1. Bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị ☐(7)
2. Danh sách dự kiến những người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề ☐(8)
3. Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ☐(9)
4. Giấy chứng nhận hoạt động đánh giá đã được cấp bị hư, hỏng ☐(10)

Đề nghị Quý Bộ xem xét cho thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với.....(1)...../.

(11)

(14) (12)

(13)

---

(1) Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(2) Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(3) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
(4) Ghi địa chỉ của nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(5) Ghi cụ thể số hiệu của giấy chứng nhận đã được cấp;
(6) Đánh dấu X vào ô thích hợp;
(7), (8) Đánh dấu X vào hai ô này với trường hợp đề nghị thay đổi, bổ sung tên nghề, bậc trình độ kỹ năng nghề;
(9) Đánh X vào ô này với trường hợp thay đổi nơi đặt trụ sở chính hoặc thay đổi tên gọi của tổ chức;
(10) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp giấy chứng nhận đã cấp bị hư, hỏng;
(11) Chức danh của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(12) Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(13) Họ và tên của người ký;
(14) Nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính.

PHỤ LỤC 04
MẪU TÀI LIỆU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mẫu số 01[44]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
(03 x 04 cm)

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN
KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Ngày sinh:..... Quốc tịch:.....

CCCD/CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại:..... E.mail:.....

Tôi đang làm nghề:.....(1)..... và có được một trong điều kiện sau: (2)

a) Đã được công nhận là nghệ nhân cấp quốc gia về nghề đó ☐

b) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 về nghề đó ☐

c) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 về nghề đó và:

c1. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó ☐

c2. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó ☐

d) Đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và:

d1. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ trung cấp trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp ☐

d2. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ trung cấp trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp ☐

---

[44] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 15 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

đ) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 về nghề đó ☐

e) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 về nghề đó và có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó ☐

g) Đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và:

g1. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát ☐

g2. Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát ☐

g3. Có ít nhất 15 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát ☐

h) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 về nghề đó ☐

i) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 về nghề đó và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó ☐

k) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 về nghề đó và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó ☐

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ, tài liệu sau đây:

1. Bản chụp bằng/giấy chứng nhận nghệ nhân cấp quốc gia ☐(3)
2. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 ☐(4)
3. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động ☐(5)
4. Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng/đại học và hợp đồng lao động ☐(6)
5. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 ☐(7)
6. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và hợp đồng lao động ☐(8)
7. Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học và hợp đồng lao động ☐(9)
8. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 ☐(10)
9. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 và hợp đồng lao động ☐(11)
10. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 và hợp đồng lao động ☐(12)

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia cho tôi./.

.....(13)....., ngày... tháng... năm 20.....

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

(1) Ghi tên nghề mà người khai đang làm;
(2) Đánh dấu X vào ô có được điều kiện đó;
(3) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện a;
(4) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện b;
(5) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện c1 hoặc c2 ;
(6) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện d1 hoặc d2;
(7) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện đ;
(8) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện e;
(9) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện g1 hoặc g2 hoặc g3;
(10) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện h;
(11) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện i;
(12) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện k;
(13) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Mẫu số 02[45]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh (03 x 04 cm)

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/CẤP ĐỔI
THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên:..... Giới tính:.....
Ngày sinh:..... Quốc tịch:.....
CCCD/CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....
Địa chỉ liên hệ:.....
Điện thoại:..... E.mail:.....

Tôi đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia của nghề:.....(1).....
và các bậc trình độ được phép đánh giá:.....(1a).....
ngày cấp..... Mã số:.....(2).....

Lý do đề nghị cấp lại/cấp đổi thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia:(3)

1. Do bổ sung, thay đổi bậc trình độ kỹ năng nghề được phép đánh giá ☐
2. Do thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp bị hư, hỏng ☐
3. Do bị mất thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp ☐

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ và tài liệu sau:

1. Bản chụp các giấy tờ chứng minh có được một trong các điều kiện quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 11 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP của Chính phủ ☐(4)
2. Thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp ☐(5)
3. Một (01) ảnh màu của cá nhân nền màu trắng cỡ 03 x 04cm chụp kiểu chứng minh nhân dân.

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét cấp lại/cấp đổi thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia cho tôi./.

.....(6)....., ngày... tháng... năm 20.....
NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ và tên)

(1) Ghi tên nghề đã được cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia;
(1a) Ghi các bậc trình độ được phép đánh giá có trong thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp
(2) Ghi mã số có trong thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp;
(3) Đánh dấu X vào một ô thích hợp;
(4) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp bổ sung thay đổi bậc trình độ kỹ năng nghề được phép đánh giá;
(5) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp bị hư, hỏng;
(6) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

[45] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 15 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

PHỤ LỤC 05[46]
MẪU PHIẾU BÁO DỰ KIỂM TRA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)..., ngày... tháng... năm 20.....

PHIẾU BÁO DỰ KIỂM TRA

.....(1)..... thông báo:
Họ và tên người tham dự:..... Giới tính:.....
Ngày sinh:..... Quốc tịch:.....
Số CCCD/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:.....
Địa chỉ liên hệ:.....
Điện thoại:..... E.mail:.....
Đã đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc(3)..... của nghề.....(4).....
Có mặt để tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.....(5)..... năm.....
Thời gian:.....(6).....
Địa điểm:.....(7).....
Khi đến tham dự cần chuẩn bị và mang theo các loại giấy tờ, vật dụng sau đây:
1. Giấy CMND hoặc CCCD hoặc hộ chiếu và phiếu báo dự kiểm tra này;
(đối với trường hợp đăng ký trực tuyến ngoài mang theo các giấy tờ trên, cần mang theo phiếu đăng ký tham dự đã in được khi đăng ký trực tuyến có ảnh màu nền màu trắng của cá nhân, cỡ 04 x 06cm chụp kiểu chứng minh nhân dân và kèm theo bản chụp các loại giấy tờ chứng minh đáp ứng được điều kiện đã đăng ký tham dự)
2. Tài liệu, vật dụng, dụng cụ, thiết bị được mang theo để sử dụng khi thực hiện các bài kiểm tra lý thuyết, bài kiểm tra thực hành và trang bị bảo hộ lao động (có danh mục(8) kèm theo);
3. Tiền thuê dụng cụ, thiết bị và mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu để sử dụng khi thực hiện bài kiểm tra (có bảng giá(9) kèm theo);
4. Đồ dùng cá nhân và tiền sinh hoạt phí trong thời gian tham dự.

(10)
(11)
(12)

(1) Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề.
(2) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
(3) Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề mà người tham dự đã đăng ký;
(4) Ghi tên nghề mà người tham dự đã đăng ký;
(5) Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
(6) Ghi rõ thời gian có mặt cụ thể về giờ, ngày, tháng, năm;
(7) Ghi rõ địa chỉ cụ thể của địa điểm nơi tổ chức kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
(8) Danh mục được lập theo các tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cung cấp;
(9) Bảng giá tiền thuê, mua do tổ chức đánh giá kỹ năng nghề lập căn cứ mức giá cả theo cơ chế thị trường;
(10) Chức danh của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(11 Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(12) Họ và tên của người ký.

[46] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

PHỤ LỤC 06[47]
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Ảnh
(04 x 06 cm)

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ
ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Nghề.....(1).....
Bậc trình độ kỹ năng nghề...(2)...

Họ và tên:..... Giới tính:.....
Ngày sinh:..... Quốc tịch:.....
CCCD/CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....
Địa chỉ liên hệ:.....
Điện thoại:..... E.mail:.....

Xin gửi kèm theo phiếu đăng ký này các giấy tờ chứng minh đáp ứng được một trong những điều kiện để tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tương ứng với nghề và bậc trình độ kỹ năng nghề đăng ký như sau: (3)

1.	Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó	☐
2.	Bản chụp chứng chỉ sơ cấp/chứng chỉ nghề và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó	☐
3.	Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc giấy xác nhận học xong chương trình trung cấp nghề/học xong chương trình trung cấp chuyên nghiệp	☐
4.	Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó	☐
5.	Bản chụp bằng nghề/bằng công nhân kỹ thuật và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó	☐
6.	Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó	☐

[47] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

7.	Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề/bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc giấy xác nhận học xong chương trình cao đẳng nghề/học xong chương trình cao đẳng	☐
8.	Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó	☐
9.	Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề/bằng tốt nghiệp cao đẳng và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó	☐
10.	Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy xác nhận học xong chương trình đại học	☐
11.	Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó	☐
12.	Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng tốt nghiệp đó	☐
13.	Bản chụp hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc	☐
14.	Bản chụp giấy tờ ghi nhận/chứng nhận thành tích, huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN	☐

.....[1]....., *ngày... tháng... năm 20.....*

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

---

[1] Ghi tên nghề đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

[2] Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

[3] Đánh dấu X vào ô đáp ứng được điều kiện đó với trường hợp đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề từ bậc 2 trở lên;

[4] Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC 07
BẢN ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA TRONG NĂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../...(2)... - ...	
V/v đề xuất kế hoạch tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm.....	.....(3)....., *ngày..... tháng..... năm 20.....*

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

.....(1).....

Địa chỉ trụ sở chính:.....(4).....

Điện thoại/Fax:..... E.mail:.....

Đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:.....(5)..... ngày..... tháng..... năm.....
Đề xuất kế hoạch tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề trong năm..... như sau:

Số TT	**Tên nghề**	**Kỳ I** (dự kiến) từ ngày... đến ngày...		**Kỳ II** (dự kiến) từ ngày... đến ngày...		**Kỳ...** (dự kiến) từ ngày... đến ngày...	
		Các bậc trình độ kỹ năng đánh giá	Thời gian đăng ký tham dự	Các bậc trình độ kỹ năng đánh giá	Thời gian đăng ký tham dự	Các bậc trình độ kỹ năng đánh giá	Thời gian đăng ký tham dự
1	...(6)...	...(7)...	...(8)...	...(7)...	...(8)...	...(7)...	...(8)...
(9)	...	...	...	...	...	...	...

.....(1)..... xin gửi Quý Bộ để tổng hợp./.

(10)

(13) (11)

(12)

(1) Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(2) Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(3) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
(4) Ghi địa chỉ của nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(5) Ghi cụ thể số hiệu của giấy chứng nhận đã được cấp;
(6) Ghi tên nghề thực hiện đánh giá kỹ năng nghề theo giấy chứng nhận đã được cấp;
(7) Ghi rõ các bậc trình độ kỹ năng nghề sẽ thực hiện đánh giá trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia này;
(8) Ghi rõ thời gian từ ngày, tháng đến ngày, tháng đăng ký tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc này;
(9) Tiếp tục với các nghề khác theo giấy chứng nhận đã được cấp (nếu có);
(10) Chức danh của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(11) Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(12) Họ tên của người ký;
(13) Ghi nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính.

PHỤ LỤC 08
LỊCH TRÌNH TỔ CHỨC CÁC KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA TRONG NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

LỊCH TRÌNH
TỔ CHỨC CÁC KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
NĂM.....

A. Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia I
Từ ngày... tháng... đến ngày... tháng...
1. ...[1]...

Số TT	Tên nghề	Các bậc trình độ kỹ năng đánh giá	Tên của các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề có tổ chức đánh giá kỹ năng nghề đối với bậc trình độ kỹ năng này
1	...[2]...	Bậc ...	.....
		...[3]...	.....
(4)	...	...	...
		...	...

2. ...[1]...
...[5]...

B. Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia II
...[6]...

C. ...[7]...

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

[1] Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
[2] Ghi tên nghề thực hiện đánh giá kỹ năng nghề trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia này;
[3] Tiếp tục với các bậc trình độ còn lại sẽ đánh giá trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia này;
[4] Tiếp tục với các nghề khác trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia này;
[5] Các nội dung đối với tỉnh/thành phố này tương tự như tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trước đó;
[6] Các nội dung đối với kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia này như kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trước đó;
[7] Tiếp tục với các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia còn lại.

PHỤ LỤC 09
KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA TRONG NĂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

..... (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../... (2) ... - ...	..... (3) ....., *ngày..... tháng..... năm 20.....*
V/v kế hoạch tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm....	

KẾ HOẠCH
TỔ CHỨC CÁC KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA NĂM.....

..... (1) .....
Địa chỉ trụ sở chính:..... (4) .....
Điện thoại/Fax:..... E.mail:.....
Đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:..... (5) ..... ngày..... tháng..... năm.....
Thông báo kế hoạch tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề trong năm..... như sau:

Số TT	Tên nghề	Kỳ I từ ngày... đến ngày...		Kỳ II từ ngày... đến ngày...		Kỳ... từ ngày... đến ngày...	
		Các bậc trình độ kỹ năng đánh giá	Thời gian đăng ký tham dự	Các bậc trình độ kỹ năng đánh giá	Thời gian đăng ký tham dự	Các bậc trình độ kỹ năng đánh giá	Thời gian đăng ký tham dự
1	... (6) ...	... (7) ...	... (8) ...	... (7) ...	... (8) ...	... (7) ...	... (8) ...
(9)	...	...	...	...	...	...	...

(10)
(13) (11)
(12)

(1) Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
2) Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(3) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
(4) Ghi địa chỉ của nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(5) Ghi cụ thể số hiệu của giấy chứng nhận đã được cấp;
(6) Ghi tên nghề thực hiện đánh giá kỹ năng nghề theo bản đề xuất kế hoạch và lịch trình đã công bố;
(7) Ghi rõ các bậc trình độ kỹ năng nghề sẽ thực hiện đánh giá trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia này;
(8) Ghi rõ thời gian từ ngày tháng đến ngày, tháng đăng ký tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia này;
(9) Tiếp tục với các nghề khác (nếu có);
(10) Chức danh của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(11) Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(12) Họ tên của người ký;
(13) Ghi nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính.

PHỤ LỤC 10[48]
DANH SÁCH NGƯỜI THAM DỰ ĐẾN DỰ KIỂM TRA KIẾN THỨC, DỰ KIỂM TRA THỰC HÀNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....[1].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI THAM DỰ
ĐẾN DỰ KIỂM TRA KIẾN THỨC, DỰ KIỂM TRA THỰC HÀNH
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia...[3]... năm...
Từ ngày... tháng... đến ngày... tháng...

I. Nghề...[4]...

1. Bậc trình độ kỹ năng nghề...[5]...

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	CCCD/CMND/ Hộ chiếu		Địa chỉ liên hệ/ Điện thoại/ Email	Dự kiểm tra kiến thức	Dự kiểm tra thực hành
					Số	Ngày cấp			
1									
2									
...									

2. ...[6]...

…[7]…

II. Nghề ...[4]...

...[8]...

III. ...[9]...

.....[2]...., ngày..... tháng..... năm 20.....
(10)
(11)
(12)

[1] Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
[2] Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
[3] Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
[4] Ghi tên nghề thực hiện đánh giá kỹ năng nghề trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;
[5] Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề thực hiện đánh giá của nghề này;
[6] Tiếp tục với các bậc trình độ khác của nghề này (nếu có);
[7] Các nội dung của bậc trình độ kỹ năng nghề này tương tự như với bậc trình độ kỹ năng nghề trước đó;
[8] Các nội dung của nghề này tương tự như nghề trước đó
[9] Tiếp tục với các nghề khác (nếu có);
[10] Chức danh của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
[11] Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
[12] Họ tên của người ký.

[48] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 18 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

PHỤ LỤC 11
DANH SÁCH TỔ GIÁM SÁT THEO TỪNG NGHỀ TẠI TỪNG TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ HOẠT ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI...[1]...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÁC TỔ GIÁM SÁT THEO TỪNG NGHỀ TẠI CÁC TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ HOẠT ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN ĐỊA PHƯƠNG
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia...[2]... năm...
Từ ngày... tháng đến ngày... tháng...

I. ...[3]...
1. Nghề:...[4]...

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm	Mã số thẻ đánh giá viên[5]	Vị trí/ chức danh đang đảm nhận	Số CCCD/ CMND/ Hộ chiếu
1						
2						
...						

2. Nghề:...[4]...
...[6]...
II. ...[3]...
...[7]...
III. ...[8]...

.....[9]...., ngày..... tháng..... năm 20....
(10)

NGƯỜI LẬP
(Ký và ghi rõ họ và tên)

(11)

(12)

[1] Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
[2] Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
[3] Ghi tên của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động trên địa bàn địa phương;
[4] Ghi tên nghề thực hiện đánh giá kỹ năng nghề tại tổ chức đánh giá kỹ năng này;
[5] Theo mã số trong thẻ đánh giá viên của người được cấp thẻ (nếu có);
[6] Các nội dung ghi đối với nghề này tương tự như nghề trước đó;
[7] Các nội dung của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề này tương tự như tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trước đó;
[8] Tiếp tục với các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề khác;
[9] Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
[10] Chức danh của người ký danh sách;
[11] Chữ ký và dấu của cơ quan người ký danh sách;
[12] Họ và tên của người ký.

PHỤ LỤC 12
MẪU BIÊN BẢN GIAO, NHẬN BÀI KIỂM TRA KIẾN THỨC, BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....[1].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....[2]...., ngày.... tháng.... năm 20....

BIÊN BẢN TIẾP NHẬN
BÀI KIỂM TRA KIẾN THỨC, BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH
KÈM THEO TIÊU CHUẨN CHẤM ĐIỂM VÀ BẢNG ĐIỂM
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia...[3]... năm...
Từ ngày... tháng... đến ngày... tháng...

Tại.....[4].....
Chúng tôi gồm:
Bên giao:
Ông/Bà:.....
Chức vụ:.....
Bên tiếp nhận:
Ông/Bà:.....
Chức vụ:.....
Tiến hành giao và tiếp nhận bài kiểm tra.....[5]..... kèm theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm của nghề.....[6]..... ở bậc trình độ kỹ năng nghề...[7].... Cụ thể như sau:
Bài kiểm tra.....[5]..... kèm theo tiêu chuẩn chấm điểm và bảng điểm có.....[8].....; tình trạng khi giao, nhận.....[9].....
Biên bản này lập vào hồi..... giờ ngày.... tháng.... năm 20..... và được lập thành 02 (hai) bản như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản./.

BÊN GIAO	**BÊN TIẾP NHẬN**
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

[1] Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
[2] Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
[3] Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
[4] Ghi rõ địa điểm cụ thể khi giao, nhận bài kiểm tra;
[5] Ghi rõ "bài kiểm tra kiến thức" hay "bài kiểm tra thực hành";
[6] Ghi tên nghề của bài kiểm tra;
[7] Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề của bài kiểm tra;
[8] Ghi rõ số lượng túi đựng bài kiểm tra;
[9] Ghi rõ tình trạng của các túi đựng bài kiểm tra "còn dấu niêm phong và dán kín" hay "bị rách, hở" hoặc "không còn dấu niêm phong".

PHỤ LỤC 13[49]
MẪU BIÊN BẢN GIAO, NỘP CÁC TÀI LIỆU, VẬT DỤNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

(được bãi bỏ)

[49] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

PHỤ LỤC 14[50]
MẪU BIÊN BẢN THU, NỘP BÀI KIỂM TRA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)...., ngày.... tháng.... năm 20....

BIÊN BẢN THU, NỘP BÀI KIỂM TRA
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia...(3)... năm...
Từ ngày... tháng... đến ngày... tháng...

Tại.....(4).....

Đại diện ban giám khảo:

Ông/Bà:.....

Chức vụ:.....

Đã tiến hành thu bài kiểm tra.....(5)..... của những người tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, cụ thể như sau:

TT	Danh sách người giao nộp bài kiểm tra	Số hiệu kiểm tra của người giao nộp bài kiểm tra	Tình trạng bài kiểm tra giao nộp(6)	Ký xác nhận của người giao nộp bài kiểm tra	Ghi chú
1					
2					
3					
...					

Biên bản này lập vào hồi..... giờ ngày.... tháng.... năm 20...../.

NGƯỜI THU BÀI KIỂM TRA
(Ký và ghi rõ họ, tên)

(1) Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(2) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
(3) Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
(4) Ghi rõ địa điểm cụ thể khi giao, nhận bài kiểm tra;
(5) Ghi rõ "bài kiểm tra kiến thức" hay "bài kiểm tra thực hành";
(6) Ghi rõ số lượng "tờ" hay "trang bài kiểm tra" hoặc "sản phẩm bài kiểm tra" hay "kết quả thực hiện bài kiểm tra" hay những thu âm, hình ảnh dưới dạng quay, chụp.

[50] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

PHỤ LỤC 15
MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM BÀI KIỂM TRA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....[1].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....[2]...., ngày.... tháng.... năm 20....

BIÊN BẢN
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM BÀI KIỂM TRA
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia...[3]... năm...
Từ ngày... tháng... đến ngày... tháng...

Tại.....[4].....
vào hồi..... giờ ngày.... tháng.... năm 20.....

Chúng tôi gồm tất cả thành viên trong ban giám khảo của:

Nghề.....[5].....

Bậc trình độ kỹ năng nghề.....[6]...

Lập biên bản tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành và kết quả tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia như sau:

1. Về kiểm tra kiến thức

- Số lượng người tham dự:..... người;
- Hình thức kiểm tra:.....[7].....
- Kết quả:

Số TT	Họ và tên	Số CCCD/CMND/ Hộ chiếu	Số hiệu kiểm tra	Điểm kiểm tra kiến thức	Ghi chú[8]
1					
2					
...					

- Số lượng người đạt yêu cầu về kiến thức: ..... người.

2. Về kiểm tra thực hành

- Số lượng người tham dự: ..... người;
- Hình thức kiểm tra:.....[9].....
- Kết quả:

Số TT	Họ và tên	Số CCCD/CMND/ Hộ chiếu	Số hiệu kiểm tra	Điểm kiểm tra thực hành	Ghi chú(8)
1					
2					
...					

- Số lượng người đạt yêu cầu về kỹ năng thực hành:..... người.

3. Về kết quả tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

- Số lượng người tham dự:..... người;

Trong đó: Dự kiểm tra kiến thức:..... người;

Dự kiểm tra thực hành:..... người;

- Kết quả:

Số TT	Họ và tên	Số CCCD/ CMND/ Hộ chiếu	Số hiệu kiểm tra	Đạt/không đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia	Ghi chú(8)
1					
2					
...					

THÀNH VIÊN BAN GIÁM KHẢO
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN GIÁM KHẢO
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

---

(1) Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(2) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
(3) Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
(4) Ghi rõ địa điểm cụ thể khi lập biên bản này;
(5) Ghi tên nghề thực hiện đánh giá;
(6) Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề thực hiện đánh giá;
(7) Ghi rõ hình thức kiểm tra kiến thức là "trắc nghiệm trên giấy" hay "trắc nghiệm trên máy tính" hoặc "tự luận";
(8) Ghi rõ là "bị đình chỉ do vi phạm" hay "không chấm điểm do vi phạm" hoặc "được miễn kiểm tra";
(9) Ghi rõ hình thức kiểm tra "thao tác trên phương tiện, thiết bị, công cụ" hay "tác nghiệp trên giấy" hoặc "thao tác trên phương tiện, thiết bị, công cụ kết hợp với tác nghiệp trên giấy".

PHỤ LỤC 16
MẪU BIÊN BẢN XỬ LÝ VI PHẠM TRONG KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....[1].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....[2]...., ngày.... tháng.... năm 20....

BIÊN BẢN XỬ LÝ VI PHẠM TRONG KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia...[3]... năm...
Từ ngày... tháng... đến ngày... tháng...

Tại.....[4].....
vào hồi..... giờ ngày.... tháng.... năm 20.....
Họ và tên người lập biên bản:.....
Chức vụ:.....
Lập biên bản xử lý hành vi vi phạm trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với:
Họ và tên người vi phạm:.....
Số hiệu kiểm tra/thẻ đánh giá viên mã số: .....
Có hành vi vi phạm:.....[5].....
.....
có tang vật, vật chứng kèm theo:.....[6].....
.....
Với sự chứng kiến của:.....[7].....
.....
Hình thức xử lý người vi phạm:.....[8].....
.....

NGƯỜI VI PHẠM	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

[1] Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
[2] Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
[3] Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
[4] Ghi rõ địa điểm cụ thể khi lập biên bản này;
[5] Ghi cụ thể hành vi vi phạm theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 hoặc Khoản 1 Điều 19 của Thông tư này;
[6] Ghi rõ các tang vật thu giữ hoặc hình ảnh, lời nói quay, chụp, ghi âm được;
[7] Ghi họ và tên, chức vụ hay nhiệm vụ đang thực hiện của người chứng kiến;
[8] Ghi cụ thể hình thức xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 hoặc Khoản 2 Điều 19 của Thông tư này.

PHỤ LỤC 17
MẪU BIÊN BẢN GIÁM SÁT
TRONG KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)...., ngày.... tháng.... năm 20....

BIÊN BẢN GIÁM SÁT
TRONG KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia...(3)... năm...
Từ ngày... tháng... đến ngày... tháng...

Tại.....(4).....
vào hồi..... giờ ngày.... tháng.... năm 20.....

Chúng tôi gồm tất cả thành viên trong tổ giám sát đã giám sát các hoạt động của các thành viên của các ban giám khảo khi thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự tại các bậc trình độ kỹ năng nghề.....(5)..... của

Nghề.....(6).....

Lập biên bản báo cáo kết quả giám sát như sau:

1. Trong thực hiện việc đánh giá kiến thức của người tham dự:

.....(7).....
.....
.....

2. Trong thực hiện việc đánh giá kỹ năng thực hành của người tham dự:

.....(7).....
.....
.....

3. Trong chấm điểm bài kiểm tra kiến thức của người tham dự:

.....(7).....
.....
.....

4. Trong chấm điểm bài kiểm tra thực hành của người tham dự:

.....(7).....
.....
.....

5. Trong việc xử lý hành vi vi phạm của người tham dự trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia:.....[7].....
.....
.....

6. Trong thực hiện việc thông báo kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành của người tham dự:.....[7].....
.....
.....

THÀNH VIÊN TỔ GIÁM SÁT	**TỔ TRƯỞNG TỔ GIÁM SÁT**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

---

[1] Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
[2] Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
[3] Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
[4] Ghi rõ địa điểm cụ thể khi lập biên bản này;
[5] Ghi rõ từng bậc trình độ kỹ năng nghề thực hiện đánh giá của nghề được giám sát;
[6] Ghi tên nghề thực hiện đánh giá được giám sát;
[7] Ghi nhận xét đối với từng ban giám khảo của từng bậc trình độ kỹ năng nghề trong việc thực hiện nhiệm vụ chấp hành và đảm bảo theo đúng quy định; trường hợp có vi phạm thì nêu cụ thể vi phạm kèm theo biên bản xử lý vi phạm đó.

PHỤ LỤC 18
MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA KIẾN THỨC, KIỂM TRA THỰC HÀNH CỦA NGƯỜI THAM DỰ TRONG KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....[1].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA KIẾN THỨC, KIỂM TRA THỰC HÀNH CỦA NGƯỜI THAM DỰ TRONG KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia...[2]... năm...
Từ ngày... tháng... đến ngày... tháng...

I. Nghề.....[3].....

1. Bậc trình độ kỹ năng nghề...[4]...

Số TT	Số hiệu kiểm tra	Kết quả kiểm tra kiến thức[5]	Kết quả kiểm tra thực hành[5]	Ghi chú
1				
2				
...				

2. ...[6]...

...[7]...

II. Nghề...[3]...

...[8]...

III. ...[9]...

.....[10)....., ngày... tháng... năm 20.....
(11)
(12)
(13)

[1] Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
[2] Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;
[3] Ghi tên nghề thực hiện đánh giá kỹ năng nghề;
[4] Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề thực hiện đánh giá của nghề này;
[5] Ghi rõ "đạt" hay "không đạt" hoặc "bị đình chỉ" hay "không chấm điểm" hoặc"được miễn kiểm tra";
[6] Tiếp tục với các bậc trình độ khác của nghề này (nếu có);
[7] Các nội dung của bậc trình độ kỹ năng nghề này tương tự như với bậc trình độ kỹ năng nghề trước đó;
[8] Các nội dung của nghề này tương tự như nghề trước đó
[9] Tiếp tục với các nghề khác (nếu có);
[10] Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
[11] Chức danh người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
[12] Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
[13] Họ tên đầy đủ của người ký.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng